

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 65/2021/HS-ST

Ngày: 30-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Hùng Dương

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HS ngày 01/3/2021 đối với các bị cáo:

1. Phùng Tấn T, sinh năm 1991 tại tỉnh L. Nơi cư trú: Tổ 7, khu 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn C và bà Ngô Thanh H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/01/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 02 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt ngày 19/5/2014; ngày 15/4/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 15/3/2017; ngày 30/8/2017, bị Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian 15 tháng, chấp hành xong ngày 16/9/2018; bị bắt tạm giam từ ngày 10/10/2020 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Văn A, sinh năm 1992 tại tỉnh T. Nơi cư trú: Khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn

Văn D và bà Phạm Thị V; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 13/6/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố T xử phạt 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong ngày 20/01/2019; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 10/10/2020 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Kha Hải Đ, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Khu phố 8, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Khu phố 2, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Tổ 1, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phùng Tấn T và Nguyễn Văn A là bạn; Phùng Tấn T và bà Trịnh Thị T có mối quan hệ tình cảm, sống chung với nhau tại nhà trọ thuộc tổ 1, khu phố B, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 08/10/2020, tại phòng trọ của Phùng Tấn T; do hết tiền, nên T và A cùng nảy sinh ý định đi tìm tài sản để trộm; thực hiện ý định, T lấy 01 kìm cộng lực và 01 thanh sắt tròn dài 30cm bỏ vào túi màu đen, A điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 61B1 – 416.45 chở T đi tìm tài sản để trộm; cả hai đi nhiều nơi, đến khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày, khi đi đến khu phố 8, phường P, thành phố T (nhà của ông Kha Hải Đ) thì A và T thấy cửa khóa ngoài, nên A dừng xe lại và đứng canh giới để T dùng kìm cộng lực cắt ổ khóa cổng và khóa cửa để vào nhà; khi vào nhà, T thấy trong phòng khách có 01 tivi hiệu Led Samsung, màu đen 43inch; T đã tháo gỡ tivi và khiêng lên xe cho A chở đi; khi về đến phòng trọ thì gặp bà Trịnh Thị T, T nói với bà T là T mua tivi này của một người bạn với giá 4.300.000 đồng và nhờ bà T giúp rao bán tivi trên mạng xã hội với giá 5.000.000 đồng.

Ông Kha Hải Đ đi làm về phát hiện bị mất tivi nên đã đến Công an phường P trình báo. Ngày 10/10/2020, ông Đ lên mạng xã hội thấy bà T rao bán chiếc tivi giống của mình bị trộm nên đã đặt mua; bà T hẹn ông Đ đến phòng trọ của mình giao tiền và lấy tivi; ông Đ đã trình báo sự việc cho Công an thành phố T; khoảng 16 giờ 45 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T phối hợp với Công an phường T, thị xã T khám xét khẩn cấp nơi ở của T, bà T phát hiện và thu giữ: 01 tivi Led Samsung màu đen 43inch, 01 kìm cắt cộng lực, 01 nón bảo hiểm màu vàng nhạt; 01 nón bảo hiểm màu vàng đậm; 01 đôi giày thể thao hiệu Adidas; 01 đôi dép nhựa; 02 áo khoác màu đen; 01 thanh sắt tròn dài 30cm, 01 xe

mô-tô hiệu Honda Vision màu đỏ biển số 61B1 – 416.45; đồng thời, đưa T, A và bà T về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một, T và A thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình; quá trình điều tra xác định: Bà T không biết tivi nói trên là tài sản do T và A phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý hình sự.

Tại Bản kết luận định giá số 231/KLTS-TTHS ngày 15/10/2020 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 tivi Led Samsung màu đen, kích thước 43inch mã sản phẩm UA43RU7100KXXV trị giá 5.000.000 đồng.

Ngày 18/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả chiếc tivi nói trên cho ông Đ; ông Đ không yêu cầu Phùng Tấn T và Nguyễn Văn A phải bồi thường thiệt hại.

Về xe mô-tô hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 61B1 – 416.45 là tài sản của bà Phạm Thị V (mẹ ruột bị cáo A), bà V cho A mượn làm phương tiện đi lại; việc A sử dụng xe đi trộm tài sản, bà V không biết; ngày 29/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả xe cho bà V. Đối với 01 kìm cắt cộng lực, 01 nón bảo hiểm màu vàng nhạt, 01 nón bảo hiểm màu vàng đậm, 01 đôi giày thể thao màu đen hiệu Adidas, 01 đôi dép nhựa màu xám, 02 áo khoác màu đen, 01 thanh sắt tròn dài 30cm là tài sản của Phùng Tấn T.

Tại Bản Cáo trạng số 42/CT-VKS-HS ngày 27/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Phùng Tấn T và Nguyễn Văn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phùng Tấn T và Nguyễn Văn A về tội “Trộm cắp tài sản”. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Tấn T từ 09 đến 12 tháng tù và căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A từ 12 đến 15 tháng tù.

Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị; bà Phạm Thị V không tranh luận. Bị cáo Phùng Tấn T nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình; bị cáo Nguyễn Văn A nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phùng Tấn T và Nguyễn Văn A đã khai nhận: Ngày 08/10/2020, T và A cùng rủ nhau đi trộm được 01 cái tivi hiệu Led Samsung, màu đen 43 inch tại nhà của ông Kha Hải Đ; sau đó, đem về phòng trọ của T và bà T, T nói với bà T đã mua lại tivi và nhờ bà T giúp rao bán (trên mạng xã hội) với giá 5.000.000 đồng; đến ngày 10/10/2020, khi cả hai đang ở phòng trọ thì bị Cơ quan Công an khám xét phát hiện chiếc tivi của ông Đ. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra; vật chứng của vụ án; biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án; tài sản mà các bị cáo trộm có tổng giá trị là 5.000.000 đồng. Như vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Phùng Tấn T và Nguyễn Văn A về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật; các bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Các bị cáo cùng nhau nảy sinh ý định đi trộm, cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội không có sự phân công chặt chẽ, thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn; do đó, các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[4] Hành vi mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương. Về nhận thức, các bị cáo hoàn toàn biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi và ý thức xem thường pháp luật nên các bị cáo đã cố tình thực hiện; do đó, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần phải có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội cũng như nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn A: Bị cáo A đã bị kết án, chưa được xóa án tích, nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phùng Tấn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phùng Tấn T và Nguyễn Văn A: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo,

ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Đánh giá tính chất, mức độ về hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nghiêm trọng, thể hiện sự manh động; bị cáo T có nhân thân xấu; bị cáo A có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp, đúng pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do các bị cáo không có tài sản riêng, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[8] Đối với bà Trịnh Thị T, quá trình điều tra xác định: Do bà T không biết tivi nói trên là tài sản do T và A phạm tội mà có nên đã rao bán giúp T và A; do đó, Cơ quan điều tra không khởi tố bà T về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[10] Về vật chứng của vụ án: Các bị cáo đã sử dụng kìm cộng lực, thanh sắt tròn dài 30cm làm công cụ phạm tội; tại phiên tòa bị cáo T từ chối nhận lại giày, dép, nón bảo hiểm và áo khoác của mình vì không còn giá trị sử dụng; vì vậy, cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ tài sản đã thu giữ của bị cáo T.

[11] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phùng Tấn T và Nguyễn Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phùng Tấn T 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/10/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/10/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 kìm cắt cộng lực có cán màu vàng, 01 thanh sắt tròn dài 30cm, 01 nón bảo hiểm màu vàng nhạt, 01 nón bảo hiểm màu vàng đậm, 01 đôi giày thể thao màu đen hiệu Adidas, 01 đôi dép nhựa màu xám có sọc ngang màu đỏ, 02 áo khoác màu đen.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 063.21 ngày 19/01/2021 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phùng Tấn T và Nguyễn Văn A mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường